

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 04 /2017/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4388/TTr-STNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . lcc

Nơi nhận: *uh*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh TN;
- Lưu: VTVP.UBND tỉnh. 70b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

QUY ĐỊNH

Chi tiết việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính tỉnh Tây Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2017/QĐ-UBND
ngày tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Tây Ninh ban hành đã có hiệu lực pháp luật (gọi chung là quyết định có hiệu lực pháp luật) mà một hoặc các bên tranh chấp và tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan không tự nguyện chấp hành; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người phải chấp hành quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng không tự nguyện chấp hành.

2. Người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành quyết định cưỡng chế theo Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để giải quyết các tranh chấp đất đai.

2. *Quyết định công nhận hòa giải thành* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai đã được các bên tranh chấp thoả thuận, thống nhất và không trái quy định của pháp luật.

3. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn do pháp luật quy định hoặc sau thời hạn quy định trong quyết định giải quyết mà các bên tranh chấp đất đai không tiếp tục khiếu nại hoặc khởi kiện đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành bị khởi kiện ra Tòa án nhân dân nhưng Tòa án nhân dân trả lại đơn khởi kiện hoặc đình chỉ vụ án và đã hết thời hiệu khởi kiện hoặc đã có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quyết định bác đơn hoặc không chấp nhận đơn khởi kiện.

4. *Người phải chấp hành* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người có quyền và nghĩa vụ liên quan phải chấp hành quyết định có hiệu lực pháp luật.

5. *Người bị cưỡng chế* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người có quyền và nghĩa vụ liên quan phải chấp hành quyết định cưỡng chế.

6. *Đối tượng bị cưỡng chế* là bất động sản, động sản theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện cưỡng chế

1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền và được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, bảo đảm trật tự, an toàn, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tổ chức cưỡng chế phải thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

3. Tôn trọng sự thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội của các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình thi hành quyết định cưỡng chế.

4. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính.

5. Không tổ chức cưỡng chế trong các thời điểm sau:

a) Trong khoảng thời gian 15 ngày trước và sau Tết Nguyên đán;

b) Trong thời gian diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của địa phương;

c) Các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Việc tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện quyết định cưỡng chế khi có quyết định của người có thẩm quyền.

Điều 5. Điều kiện thực hiện cưỡng chế

Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật;
2. Người phải chấp hành đã nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành hoặc quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã được niêm yết, thông báo công khai theo quy định;
3. Hết thời hạn tự nguyện thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành;
4. Người phải chấp hành không tự nguyện chấp hành sau khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền vận động, thuyết phục;
5. Có quyết định cưỡng chế do người có thẩm quyền ban hành; quyết định cưỡng chế đó đã được giao cho người bị cưỡng chế và được niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Điều 6. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) nơi có đất tranh chấp ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thi hành đối với các trường hợp sau:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết lần đầu đã có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thuộc thẩm quyền giải quyết lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh đã có hiệu lực pháp luật.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thi hành đối với các trường hợp sau:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết lần đầu đã có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết lần 2 đã có hiệu lực pháp luật.

3. Người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 Điều này có thể ủy quyền cho cấp phó, việc ủy quyền và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được ủy quyền. Cấp phó được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình

trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào khác.

Điều 7. Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế

1. Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, không tính thời gian không tổ chức cưỡng chế theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Quy định này và thời gian thông báo trên báo, đài, chuyên phát có bảo đảm theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

2. Đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày làm việc.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ

Điều 8. Tham mưu và xác minh điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật thì Ban Tiếp công dân có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp có thẩm quyền cưỡng chế có văn bản giao nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn cùng cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan đã được giao xác minh giải quyết tranh chấp đất đai trước đó tiến hành xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế, tham mưu xây dựng dự thảo kế hoạch cưỡng chế và biện pháp tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giao nhiệm vụ của Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền, cơ quan được giao xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm:

a) Rà soát các điều kiện thực hiện cưỡng chế quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 5 của Quy định này. Nếu điều kiện nào chưa đảm bảo thì hướng dẫn cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp thực hiện các công việc tương ứng để đảm bảo điều kiện đó;

b) Thu thập thông tin về người phải chấp hành quyết định cưỡng chế bao gồm các thông tin về: tên, tuổi, địa chỉ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú, nơi công tác và các tình tiết có liên quan khác (nếu có);

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nắm giữ hoặc có các thông tin về người phải chấp hành có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu khi nhận được yêu cầu, đề nghị hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản;

Trường hợp không thể xác định được địa chỉ cụ thể của người phải chấp hành, cơ quan xác minh báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp để chỉ đạo, thực hiện thông báo về việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên báo địa phương 03 số liên tiếp và trên

Đài phát thanh, truyền hình địa phương, công thông tin điện tử cấp tỉnh, cấp huyện 03 lần liên tiếp trước khi tham mưu ban hành quyết định cưỡng chế ít nhất 15 ngày làm việc;

c) Khảo sát hiện trạng diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế nhằm xác định rõ tình trạng sử dụng của đất đang chuẩn bị cưỡng chế. Trường hợp trên đất cưỡng chế có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc khác thì phải xác định rõ số lượng, loại công trình, thời điểm hình thành, đồng thời xử lý như sau:

Nếu tài sản, công trình, vật kiến trúc phát sinh sau khi có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì lập biên bản yêu cầu người có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc khác tự tháo dỡ, di chuyển ra khỏi diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế để phục vụ công tác cưỡng chế;

Nếu tài sản, công trình, vật kiến trúc có trước khi có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì làm việc với người có tài sản, công trình, vật kiến trúc để xác định rõ các yêu cầu của người có tài sản, công trình, vật kiến trúc đó;

Trường hợp người có tài sản, công trình, vật kiến trúc không có yêu cầu thì lập biên bản hoặc thông báo bằng văn bản yêu cầu người có tài sản, công trình, vật kiến trúc tự tháo dỡ, di chuyển ra khỏi diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế để phục vụ công tác cưỡng chế;

Trường hợp người có tài sản, công trình, vật kiến trúc có yêu cầu về tài sản hoặc bồi thường thiệt hại thì báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp biết để chỉ đạo xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Kết thúc việc xác minh, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, cơ quan chủ trì xác minh phải có báo cáo bằng văn bản, đề xuất Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định việc cưỡng chế, thành phần Ban cưỡng chế.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

Điều 9. Quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban cưỡng chế

1. Quyết định cưỡng chế (mẫu số 01) phải có các nội dung cơ bản sau:

a) Căn cứ ban hành quyết định cưỡng chế; căn cứ thực hiện việc cưỡng chế;

b) Đối tượng cưỡng chế; nội dung cưỡng chế; biện pháp thực hiện cưỡng chế; thời gian thực hiện cưỡng chế; địa điểm thực hiện cưỡng chế;

c) Trách nhiệm cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; Trách nhiệm cơ quan tham gia, phối hợp.

2. Quyết định thành lập Ban cưỡng chế (mẫu số 02) gồm các nội dung cơ bản như sau:

a) Thành phần Ban cưỡng chế cấp huyện gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là Trưởng ban chủ trì thực hiện cưỡng chế; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chánh Thanh tra cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã

nơi thực hiện cưỡng chế là Phó Trưởng Ban; đại diện các cơ quan của huyện gồm: Tài chính, Tư pháp, Xây dựng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và một số thành viên khác do người ra quyết định thành lập Ban cưỡng chế quyết định là thành viên của Ban;

b) Thành phần Ban cưỡng chế của tỉnh gồm: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường được sự ủy nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban chủ trì thực hiện cưỡng chế; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện cưỡng chế là Phó Trưởng ban; đại diện Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội đoàn thể cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội đoàn thể cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và một số thành viên khác do người ra quyết định thành lập Ban cưỡng chế quyết định là thành viên Ban;

c) Trách nhiệm của Ban cưỡng chế được thực hiện theo Điều 25 của quy định này.

Điều 10. Gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền phải gửi quyết định cưỡng chế cho cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có liên quan, UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ban cưỡng chế phối hợp với UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân liên quan (việc giao quyết định phải được lập biên bản), đồng thời niêm yết quyết định cưỡng chế tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế. Trường hợp người bị cưỡng chế cư trú ngoài tỉnh Tây Ninh thì quyết định cưỡng chế được gửi cho người bị cưỡng chế qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm;

a) Đối với trường hợp quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp mà người bị cưỡng chế không nhận thì Ban cưỡng chế phải lập biên bản về việc không nhận quyết định, biên bản phải có xác nhận của chính quyền địa phương và có 02 người làm chứng do Mặt trận Tổ quốc cơ sở giới thiệu hoặc có đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xác nhận thì được coi là quyết định đã được giao;

Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt thì quyết định cưỡng chế được giao cho một trong những người trong gia đình của đối tượng bị cưỡng chế có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú tại tổ dân phố hoặc tổ tự quản; khu phố, khóm; ấp, bao gồm: cha, mẹ, vợ chồng, con của người bị cưỡng chế; việc giao quyết định cưỡng chế phải lập biên bản, phải có ký tên hoặc điểm chỉ của người nhận, xác nhận của UBND cấp xã thì được coi như quyết định đã được giao. Nếu người thân của người bị cưỡng chế không nhận quyết định cưỡng chế thì Ban cưỡng chế phải lập biên bản và có xác nhận của UBND cấp xã và đại diện

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương thì được coi như quyết định đã được giao;

b) Đối với trường hợp gửi quyết định qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế được gửi đến lần thứ ba nhưng bị trả lại do người bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế và niêm yết quyết định cưỡng chế tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao;

c) Trường hợp không thể xác định được địa chỉ cụ thể của người bị cưỡng chế, ngoài việc niêm yết quyết định cưỡng chế tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế, Ban cưỡng chế thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài địa phương, công thông tin điện tử cấp tỉnh, cấp huyện) 03 lần; sau thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thì được coi là quyết định đã được giao;

d) Trường hợp người bị cưỡng chế đang bị tạm giam, chấp hành án phạt tù thì việc cưỡng chế chỉ được thực hiện sau khi cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế đã thông qua cơ quan đang thực hiện việc tạm giam, thi hành án phạt tù gửi quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế.

3. Quyết định cưỡng chế được niêm yết như sau:

a) Ban cưỡng chế phối hợp với UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế tổ chức niêm yết công khai quyết định cưỡng chế tại trụ sở UBND cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế trong thời hạn 07 ngày liên tục;

b) Việc niêm yết và kết thúc niêm yết phải được lập thành văn bản có ký xác nhận của UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Trưởng ấp, Trưởng Khu phố nơi thực hiện cưỡng chế.

Điều 11. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch cưỡng chế

1. Ban cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi có đất tiến hành cưỡng chế, chủ trì xây dựng kế hoạch cưỡng chế, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện cưỡng chế và dự toán kinh phí trình người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế (mẫu số 03), phải có các nội dung cơ bản về: Đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương pháp cưỡng chế; lực lượng tham gia, hỗ trợ; tổ chức và kinh phí thực hiện. Dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ban cưỡng chế trình kế hoạch cưỡng chế thì người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt kế hoạch cưỡng chế.

4. Sau khi kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban cưỡng chế họp triển khai, phổ biến kế hoạch cưỡng chế và phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên Ban cưỡng chế; thành phần, lực lượng trực tiếp cưỡng chế; thành phần, lực lượng tham gia cưỡng chế.

5. Ban cưỡng chế phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền thanh, đài truyền hình (nếu cần thiết) để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 12. Vận động, thuyết phục và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban cưỡng chế phối hợp với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, nếu người bị cưỡng chế là thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội thì mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội đó tham gia vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có hoặc cần thiết).

2. Nếu qua vận động, thuyết phục mà người bị cưỡng chế tự nguyện thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thì Ban cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện và phải được thành phần tham dự, người bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; nội dung tự nguyện phải được thực hiện trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

3. Nếu qua vận động, thuyết phục mà người bị cưỡng chế không tự nguyện thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thì Ban cưỡng chế lập biên bản vận động không thành và thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản; thời hạn cưỡng chế sau 03 ngày, kể từ ngày thông báo. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: người bị cưỡng chế, thời gian, địa điểm cưỡng chế, chi phí cưỡng chế mà người bị cưỡng chế phải chịu; yêu cầu người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất (gồm trên mặt đất và dưới mặt đất) phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế. Thông báo cưỡng chế phải được niêm yết công khai tại nơi ở của người bị cưỡng chế và UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế. Việc niêm yết công khai phải lập thành biên bản, có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế.

4. Trường hợp không thể xác định được địa chỉ cụ thể của người bị cưỡng chế thì Ban cưỡng chế phối hợp UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế tổ chức niêm yết công khai thông báo cưỡng chế tại trụ sở UBND cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế trước khi thực hiện cưỡng chế ít nhất 03 ngày.

Điều 13. Thực hiện cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban cưỡng chế phối hợp với các cơ quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa với sự tham gia chứng kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, đại diện Ban quản lý ấp, khu phố nơi có đất cưỡng chế.

2. Trước khi bắt đầu việc cưỡng chế, người chủ trì cưỡng chế đọc, công bố công khai nội dung quyết định cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế, thời hạn thực hiện việc cưỡng chế; nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị cưỡng chế, người thực hiện cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật;

a) Trường hợp người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và 02 người do Mặt trận Tổ quốc cấp xã giới thiệu chứng kiến;

b) Nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban cưỡng chế lập thủ tục theo khoản 2 Điều 12 của Quy định này;

c) Nếu người bị cưỡng chế không tự nguyện thực hiện, Ban cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa người bị cưỡng chế cùng đối tượng bị cưỡng chế ra khỏi nơi cưỡng chế;

d) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản (mẫu số 04 và lập thành ít nhất 03 bản) giao cho người bị cưỡng chế một bản; Nội dung biên bản phải ghi rõ: thời gian, địa điểm cưỡng chế, thành phần tham dự cưỡng chế; người bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; diện tích, tứ cận đất phải cưỡng chế; hiện trạng đất trước khi cưỡng chế; kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

3. Ngay sau khi thực hiện xong việc cưỡng chế ngoài thực địa, Ban cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất tại thực địa cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban cưỡng chế, người nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương.

4. Ngay sau khi tổ chức xong cưỡng chế và giao đất cho người sử dụng đất hợp pháp ngoài thực địa, Ban cưỡng chế họp đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế. Trong thời hạn 07 ngày, Ban cưỡng chế phải có báo cáo bằng văn bản kết quả cưỡng chế đến người ra quyết định cưỡng chế, gồm có các nội dung: Quá trình thực hiện cưỡng chế, kết quả cưỡng chế; nêu thuận lợi, khó khăn; bài học kinh nghiệm và kiến nghị (nếu có).

5. Căn cứ biên bản giao đất của Ban cưỡng chế, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 14. Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế

1. Việc tạm đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định tạm đình chỉ thi hành của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Khi hết thời hạn tạm đình chỉ thì quyết định cưỡng chế phải được tổ chức thi hành.

2. Việc đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Xử lý tài sản sau khi thực hiện quyết định cưỡng chế

Trường hợp người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan từ chối nhận tài sản đã được di dời khỏi nơi cưỡng chế, thì Ban cưỡng chế xử lý như sau:

1. Đối với tài sản không bảo quản được, dễ hư hỏng (thủy sản, hoa màu, hàng tươi sống, thực phẩm và các vật phẩm khác) thì Ban cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế. Việc thông báo phải được lập biên bản, nếu người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản thì Ban cưỡng chế chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính hoặc tổ chức do UBND cấp huyện thành lập bán thanh lý tài sản để tổ chức bán ngay; chủ tài sản phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, chênh lệch giá đối với tài sản đó;

Việc bán tài sản không bảo quản được, dễ bị hư hỏng phải được lập thành biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: thời gian, địa điểm bán; thành phần tham gia bán tài sản; đại diện chính quyền địa phương, người chứng kiến, người mua tài sản; tên, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, trọng lượng, hiện trạng của tài sản tại thời điểm bán; đơn giá bán, giá trị thanh toán; chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu) và các nội dung khác có liên quan; biên bản phải có chữ ký của thành phần tham gia bán tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có), đại diện chính quyền địa phương, người chứng kiến, người mua tài sản;

Số tiền bán tài sản thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền còn lại.

2. Đối với tài sản bảo quản được, Ban cưỡng chế lập biên bản (mẫu số 05), ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu) và lập biên bản bàn giao cho UBND cấp xã bảo quản hoặc cơ quan có trách nhiệm chủ trì thực hiện cưỡng chế thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản tài sản; biên bản phải ký tên hoặc điểm chỉ của đại diện bên bàn giao, bên nhận bảo quản tài sản tạm quản lý, chủ sở hữu tài sản, đại diện chính quyền địa phương hoặc 02 người chứng kiến;

Đối với các tài sản như vật liệu nổ công nghiệp; vật có giá trị lịch sử, văn hóa; bảo vật quốc gia; cổ vật; hàng lâm sản quý hiếm thì tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý;

Các chi phí cho việc vận chuyển, quản lý tài sản do người bị cưỡng chế chịu.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cưỡng chế, Ban cưỡng chế phải niêm yết công khai thông báo tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế,

thông báo thời gian, địa điểm để chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhận tài sản; việc niêm yết phải lập thành biên bản.

Điều 16. Xử lý tài sản tạm quản lý thuộc trường hợp bán đấu giá

1. Quá thời hạn 06 tháng, kể từ ngày niêm yết công khai thông báo nhận tài sản quy định tại khoản 3 Điều 15 của Quy định này mà chủ sở hữu tài sản không đến nhận tài sản thì cơ quan chủ trì cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế thành lập Hội đồng định giá tài sản để bán đấu giá, cụ thể:

a) Thành phần Hội đồng định giá tài sản gồm: Người ra quyết định cưỡng chế làm chủ tịch Hội đồng; đại diện cơ quan tài chính cùng cấp là Phó Chủ tịch hội đồng; đại diện cơ quan có liên quan là thành viên;

b) Hội đồng định giá tài sản phải tiến hành việc định giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập.

2. Việc định giá tài sản theo khoản 1 Điều này phải được lập thành biên bản và được tất cả thành viên trong Hội đồng định giá tài sản ký tên;

Hội đồng định giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp định giá tài sản của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Trong cuộc họp định giá, mỗi thành viên của Hội đồng định giá tài sản phát biểu ý kiến của mình về giá trị của tài sản. Các quyết định về giá tài sản phải được quá nửa số thành viên Hội đồng được triệu tập tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

3. Cơ quan chủ trì cưỡng chế lập thủ tục bán đấu giá theo quy định của pháp luật, số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc bán đấu giá tài sản, vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó.

4. Đối với tài sản tạm quản lý nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán được thì cơ quan chủ trì cưỡng chế tham mưu người ra quyết định cưỡng chế thành lập hội đồng tiêu hủy gồm: Cơ quan chủ trì cưỡng chế là Chủ tịch hội đồng; đại diện cơ quan tài chính, tư pháp cùng cấp; đại diện cơ quan có liên quan là thành viên.

Điều 17. Bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thực hiện cưỡng chế

1. Lực lượng Công an, các cơ quan và lực lượng khác theo yêu cầu của người ban hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm ngăn chặn các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ, bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình cưỡng chế. Cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan Công an, các cơ quan và lực lượng khác trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc, trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

2. Trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế, nếu người bị cưỡng chế hoặc các người khác có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì lực lượng Công an lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

Điều 18. Kết thúc việc cưỡng chế

Kết thúc việc cưỡng chế, Chủ tịch UBND có thẩm quyền cưỡng chế giao các cơ quan chuyên môn thực hiện các công việc sau đây:

1. Lưu giữ hồ sơ cưỡng chế, hồ sơ cưỡng chế gồm:
 - a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật;
 - b) Báo cáo kết quả xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế;
 - c) Quyết định cưỡng chế, Quyết định thành lập Ban cưỡng chế;
 - d) Kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt;
 - đ) Các biên bản giao, gửi, công khai, niêm yết quyết định cưỡng chế, thông báo thời gian cưỡng chế;
 - e) Biên bản vận động, tuyên truyền, thuyết phục; biên bản cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác;
 - g) Biên bản cưỡng chế hoặc biên bản thỏa thuận thành của các bên tranh chấp hoặc biên bản ghi nhận tự nguyện chấp hành của người bị cưỡng chế;
 - h) Thông báo nhận tài sản;
 - i) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản tài liệu khác có liên quan.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế.

3. Sao gửi 01 bộ hồ sơ liên quan đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp có thẩm quyền để thực hiện việc tham mưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

4. Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt thì chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc cưỡng chế, Ban cưỡng chế thông báo bằng văn bản kết quả cưỡng chế trên báo địa phương, công thông tin điện tử cấp tỉnh, cấp huyện hoặc trên Đài phát thanh, truyền hình của tỉnh.

Điều 19. Cưỡng chế trong một số trường hợp cụ thể

1. Trường hợp cưỡng chế mà phải di chuyển chỗ ở của người bị cưỡng chế thì việc cưỡng chế chỉ được thực hiện sau khi cơ quan xác minh điều kiện đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế đã thông báo cho người phải chấp hành về nghĩa vụ phải thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành để người phải chấp hành tự tìm nơi ở mới; trường hợp

người bị cưỡng chế không còn nơi ở khác và không tìm được nơi ở mới hoặc có điều kiện khó khăn về nơi ở thì việc cưỡng chế chỉ được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền đã bố trí nơi ở tạm là nhà được thuê tháng phù hợp với giá trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm cho người bị cưỡng chế. Tiền thuê nhà được tính vào chi phí cưỡng chế.

2. Trường hợp phát hiện người phải chấp hành, người bị cưỡng chế chết, cơ quan xác minh, Ban cưỡng chế báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp chỉ đạo thực hiện như sau:

a) Phối hợp UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế hoặc nơi cư trú của người phải chấp hành, người bị cưỡng chế gửi văn bản thông báo về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai kèm bản sao quyết định giải quyết tranh chấp đất đai cho các đồng thừa kế của người chết và người có quyền, nghĩa vụ liên quan biết;

b) Nếu các đồng thừa kế của người chết và người có quyền, nghĩa vụ liên quan nhất trí thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì cơ quan xác minh, Ban cưỡng chế phối hợp UBND cấp xã nơi có đất thực hiện cưỡng chế hoặc nơi cư trú của một trong các đồng thừa kế, người có quyền, nghĩa vụ liên quan lập biên bản ghi nhận sự chấp hành và chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện chấp hành, các đồng thừa kế phải bàn giao ranh giới, mốc giới hoặc bàn giao diện tích đất theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành để cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;

c) Nếu các đồng thừa kế hoặc một trong các đồng thừa kế của người chết và người có quyền, nghĩa vụ liên quan của người chết không nhất trí thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thì Ban cưỡng chế phối hợp UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp hoặc nơi cư trú của một trong các đồng thừa kế, người có quyền, nghĩa vụ liên quan lập biên bản ghi nhận sự việc để báo cáo người ban hành quyết định cưỡng chế và việc cưỡng chế chỉ được thực hiện sau khi đã làm rõ vấn đề thừa kế và các vấn đề phát sinh khác theo quy định của pháp luật;

3. Trường hợp cưỡng chế đối với chủ đầu tư hoặc kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp thì thành phần Ban cưỡng chế phải có đại diện Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, việc cưỡng chế chỉ được thực hiện sau khi Quyết định cưỡng chế được niêm yết công khai tại trụ sở Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và khu công nghiệp nơi thực hiện cưỡng chế.

4. Cưỡng chế trong trường hợp người bị cưỡng chế giải thể hoặc phá sản:

a) Trường hợp người bị cưỡng chế đang thực hiện thủ tục giải thể hoặc phá sản thì trước khi cưỡng chế, người có thẩm quyền cưỡng chế có văn bản thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh, Tòa án nhân dân, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp có thẩm quyền và các tổ chức, cá nhân liên quan biết về nghĩa vụ phải

chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành của người đang thực hiện các thủ tục giải thể hoặc phá sản;

b) Trường hợp người bị cưỡng chế đã giải thể hoặc đã được Tòa án nhân dân tuyên bố phá sản:

Trường hợp diện tích đất bị cưỡng chế đã được giao hoặc phán quyết cho người khác, cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế có văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân xem xét lại phán quyết đó và giải thích rõ lý do bằng văn bản. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, cơ quan nhận được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản. Nếu phán quyết không thể thay đổi thì người có thẩm quyền cưỡng chế dừng việc cưỡng chế và có văn bản trả lời người yêu cầu cưỡng chế về lý do dừng việc cưỡng chế; đồng thời người có ban hành quyết định cưỡng chế đề nghị hoặc kháng nghị đến Tòa án nhân dân cấp trên theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm để hủy bỏ nội dung của Bản án đó có liên quan đến diện tích đất cần phải cưỡng chế;

Trường hợp diện tích đất bị cưỡng chế chưa được giao, phán quyết cho người khác hoặc đã giao, phán quyết cho người khác nhưng sau đó Tòa án nhân dân có văn bản xác nhận việc giao, phán quyết này là không đúng hoặc diện tích đất cưỡng chế do người khác chiếm giữ bất hợp pháp, Ban cưỡng chế thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan biết và tiến hành cưỡng chế theo quy định.

Điều 20. Giải quyết khiếu nại, khởi kiện trong quá trình tổ chức, thực hiện việc cưỡng chế

1. Người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành vi hành chính của Ban cưỡng chế khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật. Việc khiếu nại thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại; việc khởi kiện thực hiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

2. Cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế, thực hiện cưỡng chế khi nhận được đơn khiếu nại có trách nhiệm giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại.

Điều 21. Bồi thường thiệt hại khi cưỡng chế trái pháp luật

Người bị cưỡng chế có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại khi có căn cứ cho rằng việc cưỡng chế là trái pháp luật. Việc bồi thường thực hiện theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 22. Xử lý trường hợp lấn, chiếm đất đã cưỡng chế

Người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan lấn, chiếm đất đã cưỡng chế thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi có đất bị cưỡng chế có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan khác, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo với Chủ tịch UBND cấp huyện để kịp thời xử lý.

Điều 23. Chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.

2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:

- a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;
- b) Chi phí thù lao cho các chuyên gia định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản;
- c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;
- d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã cưỡng chế (nếu có);
- đ) Chi phí thực tế khác (nếu có).

3. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

4. Việc quản lý, cấp phát, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương III**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN****Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND tổ chức cưỡng chế**

1. Chỉ đạo tổ chức thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật; tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật khi người phải chấp hành không chấp hành.

2. Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Ban cưỡng chế

1. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế; chấp hành, tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế theo trình tự, thủ tục trong Quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước những sai sót, vi phạm (nếu có) trong quá trình tổ chức cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn thiện hồ sơ cưỡng chế theo nhiệm vụ của người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế giao.

Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan Tài nguyên và Môi trường

1. Cử công chức tham gia xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ về giải quyết tranh chấp đất đai, ranh giới, mốc giới, diện tích tranh chấp theo quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Đảm bảo các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã được gửi đến các bên trong quan hệ tranh chấp đất đai, các tổ chức, cá nhân liên quan hoặc đã được niêm yết công khai theo quy định.

3. Tham mưu, phối hợp UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức liên quan bố trí, hỗ trợ tìm nơi ở mới là nhà thuê tháng cho người bị cưỡng chế trong trường hợp phải di chuyển chỗ ở của người bị cưỡng chế mà người bị cưỡng chế không còn chỗ ở nào khác và người bị cưỡng chế không tìm được nơi ở mới hoặc có điều kiện khó khăn về nơi ở.

4. Chấp hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế, phân công trách nhiệm của Ban cưỡng chế.

5. Tiếp nhận kết quả cưỡng chế, lập hồ sơ địa chính, thực hiện các thủ tục về đất đai sau cưỡng chế theo quy định.

6. Các trách nhiệm khác khi được giao và quy định trong Quy định này.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan Thanh tra

Phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và các sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai tại cơ sở.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan Tài chính

1. Chấp hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế, phân công trách nhiệm của Ban cưỡng chế.

2. Tham mưu các khoản chi, mức chi cụ thể cho các hoạt động liên quan đến việc cưỡng chế.

3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND cùng cấp bố trí đầy đủ, kịp thời các khoản kinh phí phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế theo quy định.

4. Các trách nhiệm khác khi được giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan Công an

1. Chấp hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế, phân công trách nhiệm của Ban cưỡng chế.

2. Cử lực lượng, phương tiện tham gia bảo vệ công tác cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Căn cứ kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, cơ quan công an có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, thống nhất các phương án bảo vệ với Ban cưỡng chế; kịp thời ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm an toàn cho người, tài sản của nhà nước và của công dân trong quá trình tổ chức thi hành cưỡng chế.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan Y tế

1. Chấp hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế, phân công trách nhiệm của Ban cưỡng chế.
2. Cử tổ y tế, bố trí phương tiện y tế phối hợp với Ban cưỡng chế phòng ngừa hành vi gây thương tích, cấp cứu, điều trị thương tích nhanh chóng, kịp thời (nếu có xảy ra).

Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh truyền hình, Báo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, vận động người phải chấp hành tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai.
2. Đăng tải các thông tin về công tác cưỡng chế tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm của UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế

1. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, tổ chức tuyên truyền vận động, thuyết phục người phải chấp hành tự nguyện chấp hành, chấm dứt tranh chấp đất đai.
2. Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế, văn bản thông báo thời gian cưỡng chế; thông báo trên các phương tiện truyền thông tại địa phương (loa, đài và phương tiện khác) về việc cưỡng chế; phối hợp cơ quan liên quan bố trí, hỗ trợ tìm nơi ở mới là nhà thuê tháng cho người bị cưỡng chế trong trường hợp phải di chuyển chỗ ở của người bị cưỡng chế mà người bị cưỡng chế không còn chỗ ở nào khác và người bị cưỡng chế không tìm được nơi ở mới hoặc có điều kiện khó khăn về nơi ở.
3. Chấp hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế, sự phân công trách nhiệm của Ban cưỡng chế.
4. Cử lực lượng tham gia công tác cưỡng chế; phối hợp di chuyển người và tài sản (nếu có) ra khỏi nơi cưỡng chế; bảo quản và lưu giữ tài sản của người bị cưỡng chế trong trường hợp không có người nhận tài sản hoặc người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản.
5. Các trách nhiệm khác khi được giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, Ban cưỡng chế khi có yêu cầu và chịu trách nhiệm với công việc tham gia theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Trách nhiệm của người bị cưỡng chế

1. Tuân thủ và thực hiện nghiêm quyết định cưỡng chế, yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền và các quy định khác của pháp luật.

2. Chi trả chi phí cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

Các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai ban hành trước ngày quy định này có hiệu lực nêu chưa thực hiện cưỡng chế thì thực hiện theo quy định này.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND các cấp, các Sở, ngành, tổ chức, đoàn thể có liên quan trong chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phổ biến, thực hiện nội dung Quy định này; trường hợp pháp luật có quy định khác với quy định trong Quy định này thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần kịp thời thông tin, phản ánh đến Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

.....¹, ngày.....tháng....năm

QUYẾT ĐỊNH

Cưỡng chế thi hành Quyết định.....

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định chi tiết cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Để bảo đảm thi hành Quyết định số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm về việc do.....ký;

Căn cứ Văn bản giao quyền số .../.....ngày ... tháng ... năm..... (nếu cấp phó ký),

Tôi:..... Chức vụ:

Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm.....đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:.....

.....

Sinh ngày tháng nămQuốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ thường trú:

.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Lý do áp dụng:.....

.....

Biện pháp cưỡng chế gồm:²

.....

.....
Thời gian thực hiện: ^{3a}, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Địa điểm thực hiện: ^{3b}

Cơ quan, tổ chức phối hợp:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm...

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/Tổ chức ⁴ để chấp hành.

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế.

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao ⁵ để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

Ghi chú:

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

² Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.

^{3a} Ghi rõ thời gian, tổ chức cưỡng chế.

^{3b} Ghi rõ địa điểm tổ chức cưỡng chế.

⁴ Ghi rõ tên của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

⁵ Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan phối hợp cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

.....¹, ngày.....tháng....năm

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban cưỡng chế thi hành Quyết định

.....

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày.../.../.....của Chủ tịch UBND.....về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (hoặc quyết định công nhận hòa giải thành);

Để bảo đảm thi hành Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng nămdo.....ký;

Căn cứ Văn bản giao quyền số/.....ngày ... tháng ... năm..... (nếu cấp phó ký),

Tôi:.....Chức vụ:.....

Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban cưỡng chế thi hành quyết định, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà)..... Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện (thành phố) - Trưởng Ban;
2. Ông (bà)..... Trưởng phòng TN-MT huyện (thành phố) - Phó Trưởng Ban;
3. Ông (bà)..... Chánh Thanh tra, huyện (thành phố) - Phó Trưởng Ban;
4. Ông (bà)..... Chủ tịch UBND xã, (phường, thị trấn) - Phó Trưởng Ban;
5. Ông (bà).....Trưởng phòng Tài chính - Thành viên;
6. Ông (bà).....Trưởng phòng Tư pháp - Thành viên;
7. Ông (bà).....Trưởng phòng..... - Thành viên;
8. Ông (bà)..... Chủ tịch UBMT tổ quốc xã, phường, thị trấn..... - Thành viên;

9. Ông (bà) Trưởng thôn, xóm, tổ dân phố.....- Thành viên.

Điều 2. Ban cưỡng chế thi hành quyết định.....có nhiệm vụ:

1. Giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan;

2. Xây dựng Kế hoạch cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định;

3. Ban cưỡng chế tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ cưỡng chế ngoài thực địa đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm.....

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

Ghi chú:

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH CƯỜNG CHẾ
BAN CƯỜNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo Quyết định số:...../QĐ-UBND
ngày/.../.....của
UBND¹,

...², ngày.....tháng....năm

KẾ HOẠCH

Cưỡng chế thi hành quyết định

Thực hiện Quyết định sốngày.../.../..... của
về việc cưỡng chế thi hành quyết định; Quyết định
số.....ngày.../.../..... củavề việc thành lập Ban cưỡng
chế thi hành quyết định.....

Ban cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế thi hành quyết
định⁴.....như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

.....
.....

2. Yêu cầu

.....
.....

II. Nội dung cưỡng chế

.....
.....

III. Phương pháp tiến hành cưỡng chế

.....
.....

**IV. Dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó; Phương
án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế (nếu
có)**

.....
.....

V. Tổ chức thực hiện

- Tiến độ thực hiện:

- Chế độ thông tin, báo cáo:

- Thành viên tiến hành cưỡng chế;
- Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cuộc cưỡng chế;
- Điều kiện thực hiện việc bảo quản, trông giữ, lưu giữ tài sản của người bị cưỡng chế (nếu có).
- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Những vấn đề khác (nếu có):.....

**PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI RA QUYẾT
ĐỊNH CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Người ban hành Quyết định cưỡng chế;
- Các cơ quan có liên quan;
- Thành viên Ban cưỡng chế;
- Lưu: VT.

Ghi chú:

¹ Quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

² Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ
BAN CƯỠNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo Quyết định số:...../QĐ-UBND
ngày .../.../.....của
UBND¹.....,

...², ngày.....tháng.....năm

BIÊN BẢN
Cưỡng chế thi hành quyết định ³.....

Thi hành Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của
.....về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số/.....
ngày ... tháng ... năm .. về việc do ký,

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại⁴.....

Ban cưỡng chế gồm: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)

.....
.....
.....

Cơ quan phối hợp: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)⁵

.....
.....
.....

Với sự chứng kiến của: (Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, CMND số nếu có)⁶

.....
.....
.....

**Tiến hành cưỡng chế thi hành Quyết định số/..... ngàytháng
....năm..... do ký, đối với:⁷**

Ông (Bà)/Tổ chức:.....

Ngày ... tháng ... năm sinh Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

.....
Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Biện pháp cưỡng chế gồm:⁸

.....
Diễn biến quá trình cưỡng chế:.....

Kết quả cưỡng chế:.....

Thái độ chấp hành của người/đại diện tổ chức vi phạm:

.....
Việc cưỡng chế kết thúc hồi giờ ngày ... tháng ... năm

Biên bản gồm trang, được lập thành bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho người/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN
PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ nếu có)

TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị)

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**UBND CẤP XÃ NƠI CÓ
ĐẤT BỊ CƯỖNG CHẾ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

³ Ghi rõ Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai.

⁴ Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.

⁵ Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, cơ quan của người tham gia cưỡng chế.

⁶ Nếu người chứng kiến là đại diện chính quyền địa phương thì ghi rõ họ tên, chức vụ của họ.

⁷ Ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ, nghề nghiệp, số giấy CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân vi phạm/tên, địa chỉ, lĩnh vực hoạt động, số Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh đối với tổ chức vi phạm.

⁸ Ghi rõ biện pháp cưỡng chế đã áp dụng.

TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH CƯƠNG CHẾ
BAN CƯƠNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo Quyết định số:...../QĐ-UBND², ngày.....tháng.....năm
ngày/...../.....của
UBND¹.....,

BIÊN BẢN

**Tạm giữ đối với tài sản bảo quản được
sau khi thực hiện quyết định cưỡng chế**

Thực hiện Quyết định số/QĐ-UBND ngày...../...../.....của
Chủ tịch UBND.....về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết
tranh chấp đất đai (hoặc quyết định công nhận hòa giải thành); Quyết định
số.....ngày...../...../..... củavề việc thành lập Ban cưỡng
chế thi hành quyết định.....

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm,
tại³.....

Chúng tôi gồm: (họ tên, chức vụ, đơn vị)

.....

Với sự chứng kiến của: (họ tên, địa chỉ, chức vụ, CMND số nếu có)⁴

.....

Tiến hành tạm giữ đối với tài sản bảo quản được của:⁵

Ông (bà)/tổ chức:.....

Ngày ... tháng ... năm sinh Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Cấp ngày: Nơi cấp:.....

Tài sản được tạm giữ gồm⁶:

1.....

2.....

3.....

.....

.....

Lý do tạm giữ: ⁷.....

Ngoài những tài sản nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Ý kiến của ông (bà)/tổ chức có tài sản bị tạm giữ:

.....
.....

Ý kiến trình bày của người làm chứng:⁸

.....
.....

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):

.....
.....

Biên bản lập xong hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm, gồm trang, được lập thành bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng, cùng ký tên dưới đây; lưu trong hồ sơ của cơ quan/đơn vị người ra quyết định tạm giữ và đã giao cho người/đại diện tổ chức có tang vật, phương tiện bị tạm giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN
PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ nếu có)

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị)

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN BỊ TẠM GIỮ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**UBND CẤP XÃ NƠI CÓ
ĐẤT BỊ CƯỖNG CHẾ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

NGƯỜI LÀM CHỨNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

³ Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.

⁴ Nếu người làm chứng là đại diện chính quyền địa phương thì ghi rõ họ tên, chức vụ của họ.

⁵ Ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ, nghề nghiệp, số giấy CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân bị tạm giữ tang vật, phương tiện/tên, địa chỉ, lĩnh vực hoạt động, số Quyết định thành lập hoặc ĐKKD đối với tổ chức bị tạm giữ tang vật, phương tiện.

⁶ Ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu).

⁷ Ghi rõ lý do tạm giữ.

⁸ Ghi trong trường hợp không xác định được người vi phạm hoặc người vi phạm vắng mặt hoặc không ký biên bản.